

Số: /BC-UBND

Chợ Đồn, ngày tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2022

Thực hiện Thông báo số 39/TB-HĐND ngày 12/05/2022 của Thường trực HĐND huyện về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp thứ 6 HĐND huyện khoá XX, nhiệm kỳ 2021-2026.

Sau khi tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn, UBND huyện Chợ Đồn báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

I. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện

1. Công tác tuyên truyền phổ biến quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm chống lãng phí

Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục triển khai đến các cơ quan, đơn vị, ủy ban nhân dân các xã, thị trấn để thực hiện tốt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8/9/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính; Chỉ thị số 34-CT/TU của Tỉnh ủy Bắc Kạn về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chỉ thị 03/CT-UBND ngày 28/2/2017 của UBND tỉnh về tăng cường thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 25/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tình hình mới. Tổ chức tuyên truyền cho cán bộ công chức, viên chức về Luật phòng chống tham nhũng, tiết kiệm chống lãng phí.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP

Thực hiện Quyết định số 2681/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2022. Ủy ban nhân dân huyện đã xây

dựng và ban hành Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 về việc ban hành Chương trình THPT, CLP giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Chợ Đồn, Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 về việc ban hành Chương trình THPT, CLP năm 2022 trên địa bàn huyện Chợ Đồn đến các cơ quan, đơn vị ban ngành, đoàn thể, uỷ ban nhân dân các xã thị trấn trên địa bàn huyện; tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 30/9/2022 thực hiện Chỉ thị 12-CT/TU. Trong 6 tháng đầu năm 2022 hầu như các đơn vị dự toán, UBND các xã, thị trấn đã xây dựng kế hoạch thực hành tiết kiệm chống lãng phí và triển khai đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị trong việc thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công và gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong “ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trong toàn huyện đều thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm, các đơn vị chủ động hơn trong việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, căn cứ vào dự toán được giao đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị theo từng nội dung, lĩnh vực chi định mức theo đúng quy định của nhà nước đảm bảo tiết kiệm hiệu quả trong việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

II. Kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022

1. Thực hành tiết kiệm trong quản lý, sử dụng kinh phí, ngân sách nhà nước

a) THPT, CLP trong việc ban hành thực hiện định mức, tiêu chuẩn chế độ: Các đơn vị triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định 117/2013/NĐ-CP sửa đổi một số điều Nghị định 130 đối với các đơn vị quản lý hành chính; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Các đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trong đơn vị chi tiết theo từng nội dung chi, đảm bảo đúng tiêu chuẩn định mức theo quy định của Nhà nước. Các đơn vị đã xây dựng kế hoạch tiết kiệm chống lãng phí trong đơn vị để giảm thiểu tối đa tiết kiệm trong việc tổ chức hội nghị, hội thảo không cần thiết, tiết kiệm trong việc sử dụng văn phòng phẩm, điện nước, công tác phí, xăng xe công tác... Từ đầu năm đã giao thực hiện tiết kiệm tối thiểu 12% chi thường xuyên, trong đó: Tiết kiệm 10% để cải cách tiền lương theo chỉ đạo chung của Trung ương số tiền là 4.532 triệu đồng; tiết kiệm 2% theo chỉ đạo của tỉnh để xây dựng nông thôn mới số tiền là 906 triệu đồng. Hầu hết các đơn vị đều thực hiện công khai dự toán, công khai bổ sung dự toán và công khai quyết toán đảm bảo đúng quy định.

Hầu hết các đơn vị dự toán, UBND các xã thị trấn đã nghiêm túc chấp hành việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Chỉ thị 34/CT-TU về nội dung không treo maket trong các buổi làm việc, cuộc họp, không tặng hoa quà các ngày lễ kỷ niệm ngày truyền thống, tiết kiệm các khoản chi văn phòng phẩm, điện nước, hội nghị, tiếp khách... Tuy nhiên vẫn còn một số đơn vị chưa nghiêm túc thực hiện, qua các cuộc thanh tra, kiểm tra của cấp có thẩm quyền đã chỉ ra được những vi phạm, sai sót cần khắc phục.

Các đơn vị đẩy mạnh cải cách hành chính trong đơn vị, các cơ quan, đơn vị đều quán triệt tăng cường việc sử dụng phần mềm hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử, giảm bớt việc sử dụng văn bản không cần thiết, góp phần thực hành có hiệu quả việc tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng văn phòng phẩm, vật tư văn phòng.

Việc giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm đã giúp cho các đơn vị đã chủ động trong việc chi tiêu, giảm bớt được các khoản chi không thật sự cần thiết, tuy nhiên vẫn đảm bảo được các nhu cầu thiết yếu về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn, không làm ảnh hưởng đến yêu cầu nhiệm vụ. Một số đơn vị đã thực hiện tốt công tác này và tiết kiệm được kinh phí để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ công chức, cũng góp phần động viên khích lệ cán bộ công chức phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn.

Thực hiện Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Chương trình hành động nâng cao hiệu quả quản lý tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chương trình hành động của UBND tỉnh về việc nâng cao hiệu quả quản lý tài chính - ngân sách trên địa bàn huyện Chợ Đồn. Văn bản đã chỉ đạo rõ các cơ quan, đơn vị thực hiện siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách, công khai minh bạch trong thu, chi ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai, tài nguyên..., nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí; tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước.

b) THPT, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:

Các đơn vị dự toán ngân sách, UBND các xã thị trấn chấp hành nghiêm chỉnh việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí các nguồn kinh phí NSNN giao theo đúng quy định của nhà nước. Các nguồn vốn, kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế, môi trường, an ninh quốc

phòng được phân bổ theo đúng quy định của nhà nước. Các đơn vị căn cứ vào nguồn vốn được giao quản lý và sử dụng theo đúng quy định của nhà nước đảm bảo đúng chế độ, định mức theo quy định, hết năm ngân sách các đơn vị thực hiện công khai tài chính theo đúng quy định của nhà nước.

c) THPT, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực Nhà nước

Thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; tổ chức mua sắm tài sản theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và công khai, minh bạch. Việc sử dụng xe công được quản lý sử dụng theo đúng tiêu chuẩn định mức theo quy định của nhà nước.

UBND huyện tiếp tục triển khai đồng bộ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác hợp lý nguồn lực từ tài sản công; tổ chức rà soát, sắp xếp lại tài sản công, đặc biệt là các cơ sở nhà, đất đảm bảo sử dụng đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

d) Tiết kiệm trong đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước; Sử dụng trụ sở làm việc nhà công vụ, công trình phúc lợi:

* Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thẩm định dự toán: Trong 6 tháng đầu năm 2022, Phòng Kinh tế và hạ tầng đã thực hiện thẩm định mới và thẩm điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật 11 công trình với tổng mức đầu tư sau thẩm định: 31.957.561.807 đồng; số tiền cắt giảm là: 365,061 triệu đồng tương đương cắt giảm 1,14% giá trị của tổng mức đầu tư.

* Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công tác thẩm tra quyết toán đối với các dự án như sau: Tính đến hiện tại, công tác thẩm tra quyết toán đối với 14 công trình, đã loại trừ chi phí bất hợp lý 39,355 triệu đồng.

* Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thực hiện tiết kiệm 5% dự toán đối với 04 dự án khởi công mới năm 2022 thuộc nguồn vốn cân đối ngân sách:

- Tổng số dự án: 10 dự án;
- Tổng mức đầu tư các dự án: 30.208,416 triệu đồng;
- Tiết kiệm 5% dự toán thông qua việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu bảo đảm đúng quy định, đúng chính sách hiện hành: 9,518 triệu đồng, đạt tỷ lệ: 0,032%.

Các chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân các xã thị trấn tiến hành rà soát các danh mục dự án đầu tư, thực hiện cắt giảm hoặc giãn tiến độ đối với các dự án hiệu quả thấp, thực hiện điều chuyển nguồn vốn cho các dự án hoàn thành hoặc có điều

kiện hoàn thành sớm và phát huy được hiệu quả; vì vậy đã hạn chế được nhiều công trình, dự án xây dựng dở dang; tránh lãng phí ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình theo quy định, tăng cường công tác giám sát của nhân dân.

Việc sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, công trình phúc lợi công cộng các đơn vị quản lý, sử dụng theo đúng quy định của nhà nước.

Kịp thời báo cáo các vướng mắc và những tồn tại trong thực hiện phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất. Rà soát, kiểm tra, kịp thời đề xuất và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước xem xét giải quyết đối với những nhà, đất phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện hoặc các cơ sở nhà, đất chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý.

Việc sắp xếp lại tài sản công bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng phương án xử lý phù hợp và kịp thời đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý trụ sở cũ các đơn vị đã được đầu tư xây dựng trụ sở mới đảm bảo đúng quy định và xây dựng phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công của các đơn vị thực hiện sắp xếp lại bộ máy.

đ) THPT, CLP trong việc quản lý, khai thác, sử dụng, tài nguyên

Toàn huyện Chợ Đồn có tổng diện tích đất tự nhiên 91.135,65 ha chiếm 18,75% diện tích tự nhiên của tỉnh Bắc Kạn. Trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm 85.351,72 ha, diện tích đất phi nông nghiệp chiếm 4.783,69 ha, đất chưa sử dụng là 1.000,24 ha.

* Hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

- Công tác đăng ký khai thác nước dưới đất: Do hiện nay tỉnh chưa khoanh định được khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất, vì vậy huyện chưa có cơ sở thực hiện. Qua rà soát, trên địa bàn huyện có một số cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất. Phòng Tài nguyên và môi trường đã tham mưu cho UBND huyện thường xuyên chỉ đạo các xã, thị trấn rà soát, đôn đốc các tổ chức, cá nhân xin cấp phép hành nghề theo quy định. Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành các công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước chưa có giấy phép tài nguyên nước nghiêm túc chấp hành việc lập hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định;

- Tình hình khai thác sử dụng nước dưới đất: Tại thị trấn Bằng Lũng, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bắc Kạn khai thác nước dưới đất sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, đã được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác sử dụng nước. Đối với một số khu vực chưa có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung,

người dân thực hiện khoan giếng tự phát mục đích dùng để cấp nước cho gia đình phục vụ ăn uống, sinh hoạt, thời gian khai thác theo nhu cầu của gia đình.

- Tình hình khai thác sử dụng nước mặt: huyện Chợ Đồn có hệ thống sông suối khá dày đặc, đảm bảo nguồn nước phục vụ tưới tiêu, nuôi trồng thủy sản. Các đơn vị sản xuất khai thác nước mặt phục vụ cho hoạt động sản xuất đều chủ động lập hồ sơ xin cấp phép khai thác sử dụng nước mặt trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép và thực hiện khai thác nguồn nước theo giấy phép được cấp.

* Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

UBND huyện tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến các các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức trên địa bàn và đặc biệt là quần chúng nhân dân về các văn bản pháp luật của trung ương và địa phương liên quan đến công tác quản lý khoáng sản; Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý đối với các hành vi khai thác cát, sỏi trái phép trên địa bàn, thực hiện nghiêm Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 02/7/2012 của Ban thường vụ Tỉnh ủy (*được thay thế bởi Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 24/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*) trong công tác quản lý khoáng sản; Kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền.

Để quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, tránh lãng phí, hàng năm các địa phương xây dựng kế hoạch bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản chưa khai thác, các đơn vị khai thác chế biến khoáng sản trên địa bàn sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên, khuyến khích các đơn vị thực hiện chế biến sâu khoáng sản tại địa phương để nâng cao giá trị sản phẩm, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên tại địa phương.

* Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng:

Công tác tuyên truyền pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, luôn được UBND huyện và các cơ quan ban ngành quan tâm, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện, đến thời điểm hiện tại đơn vị đã ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong công tác QLBR, PTR và PCCCR trên địa bàn huyện Chợ Đồn năm 2022. Đến thời điểm đơn vị đã tuyên truyền được 10 cuộc với 362 người tham gia; tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài truyền thanh, lưu động) được 15 lượt.

- Vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp: Lũy kế đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn huyện đã phát hiện, lập hồ sơ xử lý 71 vụ vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp; Các hành vi cụ thể như sau:

- + Phá rừng trái pháp luật: 60 vụ
- + Tàng trữ lâm sản trái pháp luật: 4 vụ.
- + Mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật: 5 vụ.

+ Khai thác lâm sản trái pháp luật: 02 vụ

- Tang vật, phương tiện xử lý tịch thu: Lũy kế đến tại thời điểm là 27,113m³ gỗ các loại từ nhóm V đến nhóm VIII (Gỗ tròn 27,113m³); 16,231 Ster củi. Tịch thu 54 phương tiện VPHC các loại gồm: (50 Dao phát; 4 Cưa tay). Diện tích rừng tự nhiên suy giảm do phá rừng trái pháp luật 15,922ha (Phòng hộ 2,70ha).

- Tổng số tiền phạt và bán đấu giá tài sản đã thu nộp ngân sách nhà nước: 308.300.000đ. Trong đó: Tiền đấu giá tài sản 50.300.000 đồng, tiền phạt 258.000.000 đồng.

Tổng số quyết định cưỡng chế đã ban hành là 05 quyết định/05 cá nhân vi phạm, với tổng số tiền 101.000.000đ (Một trăm linh một triệu đồng).

e) THPT, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong các cơ quan tổ chức.

Toàn thể cán bộ công chức viên chức trên địa bàn huyện đều thực hiện nghiêm chỉnh thời gian làm việc theo quy định của bộ Luật lao động. Các đơn vị trong huyện đều sử dụng lao động và chi trả lương theo đúng định mức biên chế, đảm bảo hiệu quả công việc. Thực hiện rà soát đối chiếu số lượng cán bộ, công chức lao động tại các đơn vị với nội dung công việc đang đảm nhiệm để bố trí sắp xếp lại cho phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn đảm bảo tiết kiệm kinh phí và thời gian lao động.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, không có cơ quan, đơn vị sử dụng lao động quá định mức được UBND huyện phân bổ đầu năm, không có trường hợp cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức vi phạm về quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động.

2. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Thanh tra huyện tổ chức tiến hành 01 cuộc thanh tra về công tác quản lý và sử dụng ngân sách tại các trường học trên địa bàn xã Yên Phong.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Tình hình thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian qua tại các phòng, ban ngành, đoàn thể, UBND các xã thị trấn có những chuyển biến tích cực. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn thực hiện của bộ, ngành trung ương và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của tỉnh, huyện để xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện; thường xuyên lồng ghép nội dung thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các cuộc họp, tuyên truyền phổ biến Luật và các văn

bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ công chức và nhân dân trong việc chấp hành và thực hiện có hiệu quả tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội.

Thực hiện tốt các quy định về công khai tài chính đối với các cấp ngân sách, từ khâu phân bổ dự toán đến khâu quyết toán hằng năm, kế hoạch xây dựng cơ bản, công khai quy trình thu và sử dụng các loại Quỹ, các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân tại địa phương... để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Công tác triển khai quán triệt chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí của Đảng và Nhà nước được tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ công chức và trong nhân dân thường xuyên. Triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản, chỉ thị và thực hiện chương trình kế hoạch thực hành tiết kiệm chống lãng phí đã xây dựng hằng năm.

Trong hoạt động thường xuyên các đơn vị dự toán, UBND các xã thị trấn đã bám sát các văn bản chế độ hiện hành của Nhà nước, thực hiện nghiêm túc chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước về thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tham nhũng. Tổ chức thực hiện đúng Luật ngân sách trong việc quản lý NSNN, mua sắm sửa chữa tài sản, hoạt động thường xuyên chuyên môn của đơn vị.

Các đơn vị được giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí và biên chế theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định 117/2013/NĐ-CP sửa đổi một số điều Nghị định 130 đối với các đơn vị quản lý hành chính; Nghị định 60/2022/NĐ-CP đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, một số đơn vị đã thực hiện tốt công tác này tiết kiệm được kinh phí để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ công chức, tuy khoản thu nhập chưa cao nhưng cũng góp phần động viên khích lệ cán bộ công chức phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn.

2. Những tồn tại hạn chế

- Qua các đợt thanh tra, kiểm tra tại một số cơ quan, đơn vị và các xã vẫn còn tình trạng sử dụng ngân sách ở một số lĩnh vực chưa hiệu quả, chưa chấp hành nghiêm túc tiết kiệm chi tiêu theo quy định.

- Công tác báo cáo định kỳ một số đơn vị còn chậm so với thời gian quy định. Nội dung báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các ban, ngành đoàn thể, UBND các xã, thị trấn chưa đánh giá được thực trạng về sử dụng nguồn lực cán bộ công chức, việc lãng phí trong quản lý tài sản, ngân sách nhà nước, đất đai – xây dựng, quy hoạch, khai thác tài nguyên khoáng sản. Nhìn chung qua báo cáo của các đơn vị mới phản ánh được việc quản lý và sử dụng ngân sách được giao hàng năm.

- Việc xây dựng, ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại một số đơn vị còn chưa phân công, gắn trách nhiệm quản lý và sử dụng cho từng cá nhân cụ thể. Việc cập nhật biến động tài sản, chấp hành báo cáo về tài sản công còn chậm tiến độ, chưa kịp thời, số liệu báo cáo chưa đầy đủ, gây khó khăn trong khâu tổng hợp và báo cáo cấp trên.

- Việc kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung, kê khai định kỳ tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn chưa được thực hiện đồng đều, kê khai tài sản chưa đầy đủ.

- Công khai tài sản công tại cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng chưa được thực hiện.

IV. Phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 và các giải pháp thực hiện

- Tiếp tục triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8/9/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính; Chỉ thị số 34-CT/TU của Tỉnh ủy Bắc Kạn về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chỉ thị 03/CT-UBND ngày 28/2/2017 của UBND tỉnh về tăng cường thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 25/8/2022 của Tỉnh ủy. Các phòng ban chuyên môn, UBND các xã thị trấn tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hành tiết kiệm chống lãng phí và tổ chức tuyên truyền Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức để nâng cao nhận thức, trách nhiệm và phát huy sức mạnh tổng hợp của cơ quan, đơn vị của mọi cán bộ Đảng viên trong công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tham nhũng.

- Thực hiện gắn kết cải cách hành chính, chống tham nhũng với việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Tiếp tục thực hiện giao quyền tự chủ cho các đơn vị dự toán theo Nghị định 130/ND-CP, Nghị định 117/NĐ-CP; Nghị định 60/2021/NĐ-CP để các đơn vị chủ động hơn trong việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong việc quản lý ngân sách nhà nước, tài sản nhà nước, trong lĩnh vực xây dựng cơ bản để kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả trong đầu tư.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật ngân sách nhà nước trong tất cả các khâu: Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước; Tổ chức thực hiện công khai,

dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước, công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước và tài sản công.

- Tăng cường tính công khai minh bạch, kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Tăng cường chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với những vụ việc vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong lĩnh vực đầu tư và sử dụng ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện giao quyền tự chủ cho các đơn vị dự toán, đơn vị sự nghiệp công lập để các đơn vị chủ động hơn trong việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

- Tổ chức thực hiện công khai, dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước, công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước và tài sản công.

Trên đây là kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 của UBND huyện Chợ Đồn./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- LĐ UBND huyện;
- LĐ VP;
- Phòng Tài chính-KH.

Gửi bản giấy:

- Ban Kinh tế HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Triệu Huy Chung

UBND huyện Chợ Đồn**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ****Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2022***(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2022 của UBND huyện)*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2021	Kế hoạch của năm 2022	Ước thực hiện 6 tháng năm 2022	So sánh với năm 2021 và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2021	So sánh với kế hoạch 2022	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành (văn bản chỉ đạo điều hành)	văn bản	2	2	2	100%	100%	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						

5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)	triệu đồng						
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN	triệu đồng						
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng		-	19.037,36			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	4.110,84	5.438,00	5.438,00	132,28%	100,00%	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng			19.037,36			
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng						
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN	triệu đồng						
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng	3.378,566	2.920,0	460,0	13,62%	15,75%	
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>	454,104	500,0	100,0	22,02%	20,00%	
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>	100,463	200,0	50,0	49,77%	25,00%	
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>	108,000	100,0	40,0	37,04%	40,00%	
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>	101,000	50,0	20,0	19,80%	40,00%	
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>	85,000	20,0	20,0	23,53%	100,00%	

	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>	845,000	800,0	100,0	11,83%	12,50%	
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>	800,000	900,0	45,0	5,63%	5,00%	
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>	485,000	200,0	45,0	9,28%	22,50%	
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>	400,000	150,0	40,0	10,00%	26,67%	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng						
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Các nội dung khác</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						

2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ	triệu đồng						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	6		0	0,00%		
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	321,735		0	0,00%		
4	Các nội dung khác	triệu đồng						
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước	triệu đồng						
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	8	7	7	87,50%	100,00%	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	0	0	0			
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển...)	chiếc	1	1	0	0,00%	0,00%	

1.4	Số lượng phương tiện cuối kỳ	chiếc	7	6	7	100,00%	116,67%	
1.5	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.6	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	159		25	15,72%		
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản	0		0			
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	0		0			
3	Các nội dung khác	triệu đồng						
IV	Trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng	triệu đồng						
1	Trong đầu tư xây dựng	triệu đồng						
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>2.126,12</i>		<i>365,061</i>	<i>17,17%</i>		

	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	139,441		0	0,00%		
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng			0			
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	547,939		39,355	7,18%		
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2,1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	58.151,00		58.151,00	100,00%		
2,2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2,3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2,4	Tổng diện tích trụ sở cuối kỳ	m2						

2,5	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2,6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2,7	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3,1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	5.701		5.701	100,00%		
3,2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0		0			
3,3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0		0			
3,4	Tổng diện tích nhà công vụ cuối kỳ	m2	5.701		5.701	100,00%		
3,5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0		0			
3,6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0		0			
3,7	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng	0		0			
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							

1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2	0	0	0			
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	Vụ	0		0			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0		0			
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
4	Các nội dung khác	triệu đồng						

VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ			0			
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng			0			
3	Các nội dung khác	triệu đồng			0			
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh	triệu đồng						
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	lít						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						

1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng	triệu đồng						
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	triệu đồng						
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>dự án</i>						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.5	Các nội dung khác	<i>triệu đồng</i>						
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							

	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	triệu đồng						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	chiếc						
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	triệu đồng						
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	triệu đồng						
	<i>Số lượng xe cuối kỳ</i>	chiếc						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						

	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THPT, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT,CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT,CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/ tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT,CLP được phát hiện	cơ quan/ tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						